Đơn vị: Cục thống kê tỉnh Lai Châu

Chương: 013

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 113 /QĐ-CTK ngày 31/12/2024 của Cục trưởng Cục thống kê tỉnh Lai Châu)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	CCTK khu vực Lai Châu - Tam Đường	CCTK huyện Mường Tè	CCTK huyện Sìn Hồ	CCTK huyện Phong Thổ	CCTK khu vực Than Uyên	CCTK huyện Nậm Nhùn
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**1.666**	**1.666**	**1.049,200**	**164,800**	**72,600**	**58,400**	**65,500**	**177,500**	**78,000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**1.666**	**1.666**	**1.049,200**	**164,800**	**72,600**	**58,400**	**65,500**	**177,500**	**78,000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**1.666**	**1.666**	**1.049,200**	**164,800**	**72,600**	**58,400**	**65,500**	**177,500**	**78,000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.356	1.356	739,200	164,800	72,6	58,4	65,5	177,5	78
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	310	310	310,000						
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**									

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	CCTK khu vực Lai Châu - Tam Đường	CCTK huyện Mường Tè	CCTK huyện Sìn Hồ	CCTK huyện Phong Thổ	CCTK khu vực Than Uyên	CCTK huyện Nậm Nhùn
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng									
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**									
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**									
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	CCTK khu vực Lai Châu - Tam Đường	CCTK huyện Mường Tè	CCTK huyện Sìn Hồ	CCTK huyện Phong Thổ	CCTK khu vực Than Uyên	CCTK huyện Nậm Nhùn
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
5	**Chi bảo đảm xã hội**									
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
6	**Chi hoạt động kinh tế**									
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**									
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**									

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	CCTK khu vực Lai Châu - Tam Đường	CCTK huyện Mường Tè	CCTK huyện Sìn Hồ	CCTK huyện Phong Thổ	CCTK khu vực Than Uyên	CCTK huyện Nậm Nhùn
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**									
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**									
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
II	**Nguồn vốn viện trợ**									